

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2016/HC- PT
Ngày 28 tháng 3 năm 2016
“V/v khởi kiện hành vi hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Chung;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái và ông Phạm Quang Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Khổng Thị Đức Hậu - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đào Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 14/2015/TLPT-HC ngày 27/11/2015, về việc “khởi kiện hành vi hành chính”. Do bản án số 02/2015/HC-ST ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2016/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2016 giữa:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn T C, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T C: Ông Nguyễn V H - Luật sư Công ty Luật H.

Địa chỉ: Đường V, phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn K T - Chủ tịch UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ X V - Phó Chủ tịch UBND xã Đ.

Nơi cư trú: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn T C.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2015 và những lời khai tiếp theo người khởi kiện ông Nguyễn T C trình bày: Gia đình ông có thửa đất thổ cư diện tích 207m² thửa số 64, tờ bản đồ 35 ở thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất này là đất 5% (hay còn gọi là đất rau xanh) gia đình ông sử dụng thửa đất này từ năm 1982 đến đầu năm 1992, gia đình ông đã mua thửa ruộng trên của Ủy ban nhân dân xã Đ để chuyển thành đất thổ cư được thể hiện trên bản đồ thửa 64, tờ bản đồ số 35 đã đánh dấu (T), từ đó đến nay gia đình ông sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai, đồng thời gia đình ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước.

Để thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật ngày 23/01/2015, ông đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nhằm hoàn thiện hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận vào hồ sơ là kê khai so với hiện trạng không đúng thực tế. Nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ như sau:

1. Nội dung kê khai so với hiện trạng: Không đúng thực tế.
2. Nguồn gốc sử dụng: Đất nông nghiệp.
3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: Năm 2013.
4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất.....
5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Không.
6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: Không phù hợp.

Với nội dung xác nhận như trên, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận không đúng với sự thật khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên hành vi xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/01/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ là trái quy định pháp luật. Nay đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đ chấm dứt hành vi nêu trên và tiến hành xác nhận đúng vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

Đại diện người bị kiện ông Tạ X V trình bày: Ủy ban nhân dân xã Đ nhận được đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn T C ghi ngày 23/01/2015. Sau khi nhận được đơn của ông C, Ủy ban nhân dân xã Đ đã kiểm tra lại hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì thửa đất số 64 tờ bản đồ số 35, diện tích 207m² ở thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, là đất nông nghiệp giao cho gia đình ông Nguyễn T C sử dụng từ trước năm 1993, từ đó cho đến nay không có văn bản, giấy tờ gì thể hiện là thửa đất trên đã chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp

sang đất thổ cư như ông C trình bày. Năm 2013, ông C đã sử dụng sai mục đích thửa đất trên như để phế liệu, vật liệu, xây dựng công trình trái phép trên đất nên Ủy ban nhân dân xã Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn T C. Việc ông C cho rằng năm 1992 ông đã nộp tiền mua thửa đất trên của Ủy ban nhân dân xã Đ là không đúng vì không có giấy tờ gì chứng minh. Sau khi xem xét có căn cứ xác định thửa đất này là đất nông nghiệp chưa chuyển đổi mục đích sử dụng nên ngày 24/3/2015, Ủy ban nhân dân xã Đ đã xác nhận vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn T C với những nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ trong đơn là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Với nội dung trên, tại Bản án số: 02/2015/HC-ST Ngày 20 tháng 10 năm 2015 “V/v khởi kiện hành vi hành chính” Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai; Điều 163 Luật tổ tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn T C yêu cầu tuyên hành vi xác nhận không đúng vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 23/01/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc là trái quy định của pháp luật và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã Đ chấm dứt hành vi nêu trên, tiến hành xác nhận đúng vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông C.

Ngày 28 tháng 10 năm 2015, người khởi kiện ông Nguyễn T C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện ông Nguyễn T C và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C đề nghị Tòa án tuyên hành vi xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T C (Đơn đề ngày 23/01/2015) của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ chấm dứt hành vi nêu trên và tiến hành xác nhận đúng vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và của những người tham gia tố tụng khác đảm bảo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ

thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T C.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Ông Nguyễn T C có đơn xin đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 207m² số thửa 64, tờ bản đồ 35 ở thôn M xã Đ (đơn ghi ngày 23/01/2015) gửi Ủy ban nhân dân xã Đ huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Chứng cứ ông đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm để chứng minh cho việc khởi kiện của mình là có căn cứ gồm: Lời trình bày của ông về nguồn gốc của thửa đất với diện tích 207m² số thửa 64, tờ bản đồ 35 ở thôn M xã Đ là đất 5% (đất rau xanh); quá trình sử dụng thửa đất đó gia đình ông sử dụng từ năm 1982, đến năm 1992 gia đình ông đã mua thửa ruộng trên của Ủy ban nhân dân xã Đ để chuyển thành đất thổ cư được thể hiện trên bản đồ thửa 64, tờ bản đồ số 35 đã đánh dấu (T), từ đó đến nay gia đình ông sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai, đồng thời gia đình ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước.

Về phía Ủy ban nhân dân xã Đ thì cho rằng: Thửa đất thửa 64, tờ bản đồ 35 ở thôn M xã Đ vẫn là đất nông nghiệp, ông C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thửa đất này gia đình ông đã nộp tiền mua đất và được chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở. Vì vậy, năm 2013 gia đình ông C xây tường bao loan, làm lán để phế liệu trên thửa đất đã bị Ủy ban nhân dân xã Đ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật nên việc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ vào đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T C là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tài liệu, chứng cứ các bên xuất trình thấy rằng: Ủy ban nhân dân xã Đ và ông Nguyễn T C đều xác định về nguồn gốc đối với thửa đất diện tích 207m² số thửa 64, tờ bản đồ 35 ở thôn M xã Đ có nguồn gốc là đất 5% (đất rau xanh) và chủ sử dụng thửa đất đó là gia đình ông Nguyễn T C, thời gian sử dụng từ năm 1982 cho đến nay và không có tranh chấp với ai.

Theo tài liệu là tờ bản đồ số 35 lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện trên bản đồ thì thửa đất số 64, diện tích 207 m² có ký hiệu chữ “ T” là ký hiệu đất thổ cư. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tờ bản đồ số 35 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hay chưa được phê duyệt. Ngày 27/01/2016, Tòa án cấp phúc thẩm xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, xác định tờ bản đồ số 35 đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, tờ bản đồ này làm cơ sở pháp lý để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn xã Đ, thửa đất số 64 có ký hiệu “0NT” là đất thổ cư. Xác minh đối với thửa đất số 63, giáp với thửa đất số 64

của hộ ông Nguyễn V B, thì thửa đất gia đình ông B đang ở cũng có nguồn gốc đất canh tác (đất rau xanh) được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp làm đất ở từ năm 1990, gia đình ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về phía Ủy ban nhân dân xã Đ cũng xác định tờ bản đồ số 35 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tờ bản đồ này làm cơ sở pháp lý để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn xã Đ. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Đ cho rằng trên tờ bản đồ số 35 tại thửa đất 64 có chữ T (ký hiệu đất thổ cư) là do nhầm lẫn khi đo đạc, nhưng kể từ khi đo đạc năm 1995 đến nay, Ủy ban nhân dân xã không có bất kỳ một văn bản gì về điều chỉnh, sửa chữa sai sót, nhầm lẫn này. Do vậy, không có cơ sở xác định có việc nhầm lẫn khi đo đạc lập bản đồ địa chính như Ủy ban nhân dân xã trình bày.

Ủy ban nhân dân xã Đ xác định thửa đất số 64, diện tích 207 m² có ký hiệu chữ “T”, tờ bản đồ 35 ở thôn M xã Đ là đất nông nghiệp và Ủy ban nhân dân xã Đ giao cho Thôn M quản lý, diện tích đất này được quy hoạch là đất dự phòng để làm giao thông, mương nội đồng, nhưng trưởng thôn M không hề có bất kỳ sổ sách, giấy tờ gì quản lý, theo dõi thể hiện thửa đất này là đất dự phòng để làm giao thông, mương nội đồng như Ủy ban nhân dân xã báo cáo. Trưởng thôn chỉ xuất trình được duy nhất 01 tờ biên bản giao đất sản xuất nông nghiệp, không ghi ngày tháng và chỉ ghi năm 2004, không có bất kỳ chữ ký của cán bộ xã, thôn mặc dù có đánh máy ghi tên đầy đủ các thành phần. Tại Biên bản này thể hiện đất nông nghiệp gia đình ông C được giao tổng diện tích là 2.844 m², có số thửa cụ thể, nhưng không có thửa đất số 64 diện tích 207 m², trong khi đó gia đình ông C sử dụng ổn định từ năm 1982 đến nay. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã Đ cho là đất nông nghiệp nên gia đình ông C sử dụng làm lán xưởng năm 2013 và bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng biên bản vi phạm hành chính này không ghi đối tượng vi phạm cụ thể là thửa đất nào, trong khi đó thửa đất số 64, diện tích 207 m² có ranh giới liền kề với thửa đất nông nghiệp số 92 + 92.3 gia đình ông C được giao, thửa đất này gia đình ông C cũng xây nhà lán chiếm trên diện đất nông nghiệp và ông C cũng thừa nhận gia đình ông vi phạm sử dụng đất của thửa đất nông nghiệp số 92 + 92.3 chứ không phải vi phạm đối với thửa đất số 64. Nên Ủy ban nhân dân xã Đ cho rằng ông C lấn chiếm toàn bộ đất nông nghiệp là không chính xác.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ủy ban nhân dân xã Đ yêu cầu ông C chứng minh việc mua đất thổ cư đối với thửa đất số 64, diện tích 207 m², ông C không xuất trình được chứng cứ mua thửa đất này nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông C xuất trình 02 biên lai nộp tiền mua đất thổ cư ghi ngày 25/1/1992 và ngày 11 tháng 3 năm 1992, phía Ủy ban nhân dân xã Đ thừa nhận có 02 phiếu thu tiền này nhưng cho rằng ông C mua đất thổ cư là diện tích đất ao, phần diện tích đất ao này hiện nay nằm trong tổng diện tích đất thổ cư gia đình ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tháng 10 năm 2000, có tổng diện tích là 1500 m². Nhưng

yêu cầu chứng minh bằng chứng cứ, hồ sơ về cấm đất ao như Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày thì Ủy ban nhân dân xã Đ cho biết không còn lưu trữ được hồ sơ, tài liệu gì. Như vậy, không có cơ sở xác định 02 phiếu thu này ông C mua đất ao như UBND xã trình bày. Ông C đã chứng minh bằng chứng cứ cụ thể về việc ông đã nộp tiền mua đất thổ cư vào thời điểm năm 1992 tại xã Đ là đúng. Tuy nhiên, nộp tiền mua thửa đất số 64, diện tích 207 m² hay nộp tiền mua đất ao thì trong phiếu thu tiền không ghi cụ thể và cũng không có các tài liệu thể hiện là mua đất thổ cư ở vị trí nào, lỗi này thuộc về Ủy ban nhân dân xã Đ.

Ngày 22/3/2014, Ủy ban nhân dân xã Đ xuất trình sổ mục kê được lập năm 1998. Theo sổ mục kê này tại trang 06 thửa đất 64 có diện tích 220 m² thuộc loại đất chuyên dùng, sổ mục kê không ghi ngày tháng năm và không có chữ ký, đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã Đ. Theo quy định tại Quyết định số 499/QĐ/ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính thì nguyên tắc lập sổ mục kê được lập từ bản đồ địa chính và các tài liệu đo đạc đã được chỉnh lý sau khi xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng bản đồ địa chính ghi là đất thổ cư, sổ mục kê ghi là đất chuyên dùng là có sự mâu thuẫn. Mặt khác, theo quy định Sổ phải được lập thành 03 bộ, bộ gốc lưu tại Sở địa chính, 01 bộ lưu tại phòng Địa chính cấp huyện, 01 bộ lưu tại Ủy ban nhân dân xã và Sổ phải có Ủy ban nhân dân xã xác nhận, Sở Địa chính duyệt thì Sổ mục kê mới có giá trị pháp lý. Tòa án cấp phúc thẩm xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đều không lưu trữ tài liệu này. Vì vậy, xác định Sổ mục kê do Ủy ban nhân dân xã Đ xuất trình không có giá trị pháp lý. Tòa cấp phúc thẩm xác định thửa đất số 64, diện tích 207 m² tại tờ bản đồ số 35 có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân huyện Y để xác định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của Ủy ban nhân dân xã Đ đã kết luận là đất nông nghiệp dựa theo sự trình bày của Ủy ban nhân dân xã Đ mà Ủy ban nhân dân xã Đ đang là người bị khởi kiện là không khách quan.

Những thiếu sót về thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm lẽ ra phải hủy án sơ thẩm để xác minh, xét xử lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục bổ sung đầy đủ. Vì vậy, không cần thiết phải hủy Bản án số: 02/2015/HC-ST Ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Y. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T C. Như vậy kháng cáo của ông C và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có căn cứ cần chấp nhận.

Về án phí: Ủy ban nhân dân xã Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng. Ông Nguyễn T C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được trả lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y.

Án phí hành chính phúc thẩm ông C không phải chịu nên được trả lại 200.000 đồng đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 205 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2015/HCST ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 2 Điều 163 Luật tổ tụng hành chính; Điều 100; khoản 2 Điều 101 của Luật đất đai; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T C;

1. Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc có trách nhiệm thực hiện xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn T C đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất: Thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn T C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được trả lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04051 ngày 20/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn T C không phải chịu nên được trả lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002163 ngày 09/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hành chính.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Chung

